

Hồ Trợ Chi Trả Tài Chính

Bộ trưởng bộ Tư Pháp Nhật Bản

Quốc tịch

Họ Tên Học Sinh

N ă m

Th á n g

Ng à y

Giới t í nh

()

Ghi chú

1. Hoàn cảnh bảo lãnh chi phí thanh toán (Vui lòng mô tả chi tiết các trường hợp chấp nhận chi phí của người nộp đơn và mối quan hệ với người nộp đơn.)

Tôi là người ủng hộ và chịu trách nhiệm chi trả tài chính cho con khi có tư cách nhập cảnh và lưu trú tại Nhật Bản. Vì vậy, sau đây tôi sẽ giải thích các trường hợp bảo lãnh chi phí, tài chính.

2. Nội dung chi trả tài chính

Ghi chú

- | | | | | |
|-------------------------|---|---------|---------------|------------|
| (1) Học Phí | H à n g n ă m | 780,000 | (N ă m đ ầ u) | Y ê n(JPY) |
| (2) Sinh hoạt phí | B ì nh qu ả n
theo th á n g | 80,000 | | Y ê n(JPY) |
| (3) Phương thức chi trả | (h ă y vi ết chi ti ết c á c h th ứ c chuy ển ti ền , chi trả) | | | |

Người chi trả tài chính

Địa chỉ

Liên lạc

Họ Tên

Mối quan hệ
với học sinh

Số điện
thoại bàn : +84

Số điện thoại
di động : +84

(印)

N ă m

Th á n g

Ng à y

経費支弁書

日本国法務大臣 殿

ベトナム

国 籍

学生氏名 年 月 日生まれ ()

私は、このたび上記の者が日本国に入国した場合及び在留期間中の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに経費支弁について証明します。

学生名前

記

経費支弁者名前

1. 経費支弁の引き受け経緯（申請者の経費の支弁を引き受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載して下さい。）

私は申請人_____の_____親で_____と申します。今回、_____が日本への留学を希望していることに親として賛成しております。私は安定した収入を得ており、また十分な貯蓄も有していますので、_____の留学費用を支払うことは問題ありません。是非とも_____の日本への留学を許可してくださいようお願いいたします。

息子か娘

息子か娘

息子か娘

2. 経費支弁内容

（経費支弁者氏名）

経費支弁者名前

私 _____ は、上記の者の日本国滞在について、下記の通り経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請の際には、送金証明又は、本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

記

- | | | | |
|----------------------------------|------|---------------|---|
| (1) 学 費 | 年 間 | 780,000 (初年度) | 円 |
| (2) 生 活 費 | 平均月額 | 80,000 | 円 |
| (3) 支弁方法（送金・振込み等支弁方法を具体的に書いて下さい） | | | |

在留資格認定証明書が交付後、早急にに学校が指定する銀行口座に学費を送金します。

渡日時に、半年分の生活費を持参させ、その後は定期的に、娘の銀行口座に送金します。

書いた日

年 月 日

経費支弁者

住 所

連 絡 先

自宅電話：

携帯電話：+84

氏名（署名）

（印）

サイン

学生との関係

父か母

経費支弁書

日本国法務大臣 殿

国 籍 _____

学生氏名 _____ 年 月 日 生まれ ()

私は、このたび上記の者が日本国に入国した場合及び在留期間中の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに経費支弁について証明します。

Tên học sinh _____ 記

Họ tên người chi trả tài chính _____

1. 経費支弁の引き受け経緯（申請者の経費の支弁を引き受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載して下さい。）

私は申請人 _____ の _____ 親で _____ と申します。今回、 _____ が日本への留学を希望していることに親として賛成しております。私は安定した収入を得ており、また十分な貯蓄も有していますので、 _____ の留学費用を支払うことは問題ありません。 _____ 是非とも _____ の日本への留学を許可して下さるようお願いいたします。

con trai hoặc con gái _____

con trai hoặc con gái _____

2. 経費支弁内容

(経費支弁者氏名)

Họ tên người chi trả tài chính _____

私 _____ は、上記の者の日本国滞在について、下記の通り経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請の際には、送金証明又は、本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

記

- | | | | |
|----------------------------------|------|---------------|---|
| (1) 学 費 | 年 間 | 780,000 (初年度) | 円 |
| (2) 生 活 費 | 平均月額 | 80,000 | 円 |
| (3) 支弁方法（送金・振込み等支弁方法を具体的に書いて下さい） | | | |

在留資格認定証明書が交付後、早急にに学校が指定する銀行口座に学費を送金します。

渡日時に、半年分の生活費を持参させ、その後は定期的に、娘の銀行口座に送金します。

Ngày viết đơn _____

年 月 日

経費支弁者

住 所 _____

連 絡 先 自宅電話： _____

携帯電話： +84 _____

氏名（署名） _____

(印) _____

Chữ ký _____

学生との関係

cha hoặc mẹ

Hồ Trợ Chi Trả Tài Chính

Bộ trưởng bộ Tư Pháp Nhật Bản

Việt Nam

Quốc tịch

Họ Tên Học Sinh

Năm

Tháng

Ngày sinh

Giới tính

()

Tôi là người ủng hộ và chịu trách nhiệm chi trả tài chính cho con khi có tư cách nhập cảnh và lưu trú tại Nhật Bản. Vì vậy, sau đây tôi sẽ giải thích các trường hợp bảo lãnh chi phí, tài chính.

Ghi chú

1. Hoàn cảnh bảo lãnh chi phí thanh toán (Vui lòng mô tả chi tiết các trường hợp chấp nhận chi phí của người nộp đơn và mối quan hệ với người nộp đơn.)

Tôi là _____ là _____ của _____.

Với cương vị là cha (mẹ) của cháu, tôi hoàn toàn tán thành với nguyện vọng đi du học Nhật Bản của cháu. Về vấn đề học phí và sinh hoạt phí của cháu ở nước ngoài chúng tôi có đủ khả năng để chi trả tài chính cho cháu. Xin bộ tư Pháp cho phép cháu đạt được nguyện vọng đi du học Nhật Bản!

2. Nội dung chi trả tài chính

Tôi là _____, là người sẽ chi trả tài chính cho con tôi, dưới đây tôi xin trình bày bản chi tiết chi phí chi trả khi con tôi có giấy phép gia hạn tư cách lưu trú, Chúng tôi sẽ gửi các tài liệu để làm sáng tỏ sự thật về hỗ trợ như chi phí sinh hoạt, thông tin chuyển tiền cho con cụ thể như sau.

Ghi chú

- | | | | | |
|-------------------------|--|---------|-----------|----------|
| (1) Học Phí | Hàng năm | 780,000 | (Năm đầu) | Yên(JPY) |
| (2) Sinh hoạt phí | Bình quân theo tháng | 80,000 | | Yên(JPY) |
| (3) Phương thức chi trả | (hãy viết chi tiết cách thức chuyển tiền, chi trả) | | | |

Ngay sau khi nhận được tư cách lưu trú tại Nhật của con tôi, tôi sẽ tiến hành ngay chuyển tiền ngay vào tài khoản của quý nhà trường. Sau đó, theo định kỳ nửa năm tôi sẽ chuyển tiền sinh hoạt phí đều cho cháu vào tài khoản ngân hàng của cháu.

Người chi trả tài chính

Địa chỉ

Liên lạc

Họ Tên

Năm

Tháng

Ngày

Số điện

thoại bản : +84

Số điện thoại

di động : +84

(印)

Mối quan hệ
với học sinh

Hồ Trợ Chi Trả Tài Chính

Bộ trưởng bộ Tư Pháp Nhật Bản

Việt Nam

Quốc tịch

Họ Tên Học Sinh

Năm

Tháng

Ngày sinh

Giới tính

()

Tôi là người ủng hộ và chịu trách nhiệm chi trả tài chính cho con khi có tư cách nhập cảnh và lưu trú tại Nhật Bản. Vì vậy, sau đây tôi sẽ giải thích các trường hợp bảo lãnh chi phí, tài chính.

Ghi chú

1. Hoàn cảnh bảo lãnh chi phí thanh toán (Vui lòng mô tả chi tiết các trường hợp chấp nhận chi phí của người nộp đơn và mối quan hệ với người nộp đơn.)

Tôi là _____ là _____ của _____.

Với cương vị là cha (mẹ) của cháu, tôi hoàn toàn tán thành với nguyện vọng đi du học Nhật Bản của cháu. Về vấn đề học phí và sinh hoạt phí của cháu ở nước ngoài chúng tôi có đủ khả năng để chi trả tài chính cho cháu. Xin bộ tư Pháp cho phép cháu đạt được nguyện vọng đi du học Nhật Bản!

2. Nội dung chi trả tài chính

Tôi là _____, là người sẽ chi trả tài chính cho con tôi, dưới đây tôi xin trình bày bản chi tiết chi phí chi trả khi con tôi có giấy phép gia hạn tư cách lưu trú, Chúng tôi sẽ gửi các tài liệu để làm sáng tỏ sự thật về hỗ trợ như chi phí sinh hoạt, thông tin chuyển tiền cho con cụ thể như sau.

Ghi chú

- | | | | | |
|-------------------------|--|---------|-----------|----------|
| (1) Học Phí | Hàng năm | 780,000 | (Năm đầu) | Yên(JPY) |
| (2) Sinh hoạt phí | Bình quân theo tháng | 80,000 | | Yên(JPY) |
| (3) Phương thức chi trả | (Hãy viết chi tiết cách thức chuyển tiền, chi trả) | | | |

Ngay sau khi nhận được tư cách lưu trú tại Nhật của con tôi, tôi sẽ tiến hành ngay chuyển tiền ngay vào tài khoản của quý nhà trường. Sau đó, theo định kỳ nửa năm tôi sẽ chuyển tiền sinh hoạt phí đều cho cháu vào tài khoản ngân hàng của cháu.

Người chi trả tài chính

Địa chỉ

Liên lạc

Họ Tên

Năm

Tháng

Ngày

Số điện

thoại bản : +84

Số điện thoại

di động : +84

(印)

Mối quan hệ
với học sinh
